TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 01 kiệt 74 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 01 kiệt 74 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn T xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Văn Tiến D, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay cả 02 cháu đều đang ở với bà Lê Thị Thanh N và

ông Nguyễn T. Bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Văn Tiến Đ cho bà Lê Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Văn Tiến D cho ông Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Thanh N và ông Nguyễn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Thanh N tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000972 ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà Lê Thị Thanh N đã nộp đủ án phí và được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường A, thành phố H (ĐKKH số 89, quyển số: 01/2009 ngày 25/11/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi